

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: **Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện An Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện An Bình – 146 An Bình, Phường An Đông, TP.HCM.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Bùi Thị Thùy Linh – Nhân viên Tổ mua sắm
- Số điện thoại: 0909.437.813
- Email: bvab.dauthau@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Tổ mua sắm (lầu 11 – Khu B) – Bệnh viện An Bình, số 146 An Bình, Phường An Đông, TP.HCM.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Đến trước 16 giờ 00 ngày 08 tháng 10 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Đính kèm phụ lục 1

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về đóng gói vận chuyển, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp và lắp đặt: Bệnh viện An Bình - Địa chỉ: 146 An Bình, Phường An Đông, TP. Hồ Chí Minh;

- Yêu cầu về đóng gói vận chuyển, bảo quản và các điều kiện khác: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất;

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: không có

- Thanh toán hợp đồng khi trúng thầu:

• Hình thức thanh toán: chuyển khoản;

• Thời hạn thanh toán: Từ 90-120 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận được hóa đơn tài chính và đầy đủ hồ sơ thanh toán (bao gồm: Biên Bản nghiệm thu, Mẫu số 08a...) của nhà thầu;

5. Các thông tin khác: Nhà thầu cung cấp các thông tin sau:

- Nhà thầu vui lòng báo giá theo mẫu (đính kèm Phụ lục 3);
- Bảng giá đã được niêm yết (nếu có);
- Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm (Catalogue sản phẩm) và các tài liệu khác có liên quan

(nếu có).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TMS (BTTL.02b);

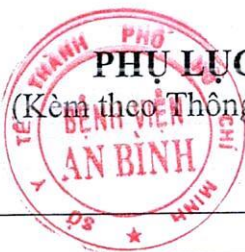


GIÁM ĐỐC

Hồ Hải Trường Giang

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA
(Kèm theo Thông báo số : 957 /TB-BVAB ngày 25/9 /2026)

Stt	Danh mục	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiêu hoá (ổ bụng)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Hệ thống
2	Máy hấp ướt	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
3	Dây soi mềm	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
4	Bộ dụng cụ phẫu thuật TMH	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Bộ
5	Máy cắt đốt cao tần	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
6	Máy điện tim	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	5	Cái
7	Bộ dụng cụ phẫu thuật đầu mặt cổ	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Bộ
8	Tủ bảo quản Vaccine	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	2	Cái
9	Máy đo độ sâu gây mê	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
10	Tủ nuôi cấy CO2	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
11	Máy holter theo dõi tim mạch điện tim 24h/24h	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
12	Máy đo điện cơ	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
13	Máy laser châm cứu	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	2	Cái
14	Máy truyền dịch	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	3	Cái
15	Máy đo ABI	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
16	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
17	Kính hiển vi 2 mắt	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
18	Máy cạo vôi răng bằng sóng siêu âm	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	2	Cái
19	Ghế nha khoa	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
20	Máy nội nha tích hợp định vị chóp	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	2	Cái
21	Máy HDF online	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái
22	Ống nội soi	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 2	1	Cái



PHỤ LỤC 2: THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA
(Kèm theo Thông báo số : 957 /TB-BVAB ngày 25/ 9 /2026)

STT	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
1.	HỆ THỐNG PHẪU THUẬT NỘI SOI TIÊU HÓA (Ổ BỤNG): 01 hệ thống
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 13485 và CE hoặc ISO 13485 và FDA
	Nguồn cung cấp: 220VAC, 50Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm: $\geq 70\%$
	Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước G7
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Hệ thống máy chính, bao gồm:
	Bộ xử lý hình ảnh trung tâm Full HD: 01 Bộ
	Đầu camera cảm biến CMOS: 01 Bộ
	Nguồn sáng LED: 01 Bộ
	Màn hình y tế phẫu thuật nội soi Full HD kích thước 27 inches: 01 Bộ
	Dây dẫn sáng: 01 Bộ
	Máy bơm khí CO2 45 lít/phút: 01 Bộ
	Máy cắt đốt điện cao tần: 01 Bộ
	Xe đẩy hệ thống phẫu thuật nội soi: 01 Bộ
	Bộ dụng cụ phẫu thuật ổ bụng: 01 Bộ
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Bộ xử lý hình ảnh trung tâm Full HD
	Độ phân giải full HD 1920 x 1080.
	Sử dụng cảm biến CMOS hoặc tương đương
	Có cổng USB để lưu trữ hình ảnh và video
	Có chế độ tăng cường chất lượng/màu sắc của hình ảnh
	- Tăng cường Độ tương phản động
	- Chức năng loại bỏ vân nhiễu
	Ngõ tín hiệu đầu ra: DVI, SDI, Comp Video,...
	Đầu camera cảm biến CMOS
	Độ phân giải của cảm biến: Full HD $\geq (1.920 \times 1.080)$ pixels
	Cảm biến ảnh: CMOS
	Đầu camera có 3 phím chức năng, có thể cài đặt chức năng
	Có khả năng tiết kiệm nhiệt độ thấp
	Màn hình y tế phẫu thuật nội soi Full HD ≥ 27 inches
	- Kích thước: ≥ 27 -inch (16:9)
	- Độ phân giải: Full HD (1920 x 1080)
	- Độ sáng: ≥ 500 cd/m ²
	- Độ tương phản: $\geq 1000:1$
	- Đầu vào tối thiểu: HDMI, DP, DVI-D, SDI
	Nguồn sáng LED

	- Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ
	- Loại đèn: LED
	Nhiệt độ màu: ≥ 5.000 Kelvin.
	Điều khiển ánh sáng tự động hoặc thủ công
	Máy bơm khí CO₂ 40 lít/phút
	- Tốc độ bơm lưu lượng tối đa ≥ 40 lít/phút.
	- Có chức năng hút khói/
	- Khoảng cài đặt áp lực ổ bụng từ 3-28mmHg
	- Có thể dùng bình gas CO ₂ ngay tại chỗ hoặc dùng khí CO ₂ trung tâm. Máy hiển thị thông tin khí CO ₂ .
	Máy cắt đốt điện cao tần
	Gồm có:
	- Máy chính: 01 cái
	- Dây nối dụng cụ đơn cực: 01 cái
	- Dây nối dụng cụ lưỡng cực: 01 cái
	- Bàn đạp điều khiển 2 nút bấm: 01 cái
	- Bàn đạp điều khiển 1 nút bấm: 01 cái
	- Dây nối trung tính: 01 cái
	- Tấm điện cực trung tính: 50 cái
	Có màn hình màu
	Có hệ thống giám sát điện cực trung tính, cảnh báo các tình huống nguy hiểm, tránh gây bỏng cho bệnh nhân: kết nối với máy, tiếp xúc tiếp xúc điện cực với da bệnh nhân, có chức năng cảnh báo cho trẻ sơ sinh
	Công suất đơn cực ≥ 360 W
	Có chức năng chuyển đổi chương trình bằng bàn đạp
	Có khả năng kết nối wifi hoặc kết nối với phòng mổ tích hợp
	Tích hợp chế độ đặc biệt chuyên dùng cho nội soi tiêu hoá để cắt Polyp, ERCP
	Chế độ lưỡng cực có tính năng tự động kích hoạt, tự động dừng kích hoạt (Autostart/AutoStop)
	Chế độ cắt đơn cực:
	- Có ≥ 5 các chế độ cắt tối thiểu: Cắt thuần, cắt năng lượng cao trong môi trường nước, cắt đơn cực cầm máu, chế độ cắt/đốt xen kẽ ứng dụng cắt cơ vòng, cắt polyp.
	Chế độ đốt đơn cực:
	Có ≥ 5 các chế độ đốt đơn cực tối thiểu: Đốt cầm máu sâu, đốt cầm máu phun không tiếp xúc, chế độ cầm máu bóc tách, chế độ cầm máu nhanh, chế độ cầm máu đôi
	Chế độ lưỡng cực:
	Có ≥ 2 chế độ cắt lưỡng cực tối thiểu: cắt lưỡng cực, cắt lưỡng cực trong môi trường nước muối sinh lý Bipolar Resection
	Chế độ đốt lưỡng cực:
	Có ≥ 2 chế độ đốt lưỡng cực tối thiểu: đốt lưỡng cực sâu không gây than hóa mô, đốt lưỡng cực nhanh.
	Chế độ hàn mạch máu: có ≥ 2 chế độ hàn mạch máu, hàn mạch máu ≥ 7 mm
	Bộ dụng cụ phẫu thuật ổ bụng: bao gồm 26 bộ
	Sai số cho phép: $\pm 10\%$
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.

	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Anh). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
2.	MÁY HẤP UỐT: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 13485
	Nguồn cung cấp: 220VAC,50Hz (Hoặc 380VAC/50Hz) hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH BAO GỒM
	- Máy chính: 01 cái
	- Phụ kiện tiêu chuẩn:
	+ Xe đẩy bên ngoài: 02 cái
	+ Giá đựng vật hấp: 01 cái
	+ Máy nén khí không dầu cài đặt sẵn: 01 cái
	+ Máy in nhiệt cài đặt sẵn trong máy chính: 01 cái
	+ Giấy in nhiệt: 01 cuộn
	+ Dây cáp nguồn, 3 pha: 01 bộ
	+ Dây nối đất: 01 bộ
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt: 01 bộ
III	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
	Đặc tính chung:
	- Tiệt trùng bằng hơi nước bão hòa ở nhiệt độ cao.
	- Điều khiển bằng PLC hoặc tương đương
	- Số chương trình được cài đặt sẵn: ≥ 14 chương trình.
	- Có chương trình cho người sử dụng tự cài đặt.
	- Có chương trình kiểm tra chất lượng mẻ hấp (Prion test).
	- Có chương trình kiểm tra chất lượng máy hấp (Bowie-Dick test).
	- Có chương trình làm ấm và kiểm tra rò rỉ.
	- Đuổi khí và làm khô vật hấp bằng máy hút chân không.
	- Có hệ thống giảm nhiệt cho máy hút chân không.
	- Có hệ thống xử lý hơi nước giúp ngăn ngừa xả trực tiếp hơi nước thải ra môi trường.
	- Có bộ hỗ trợ xả nhanh buồng hấp
	Thân máy:
	- Hình khối chữ nhật, dạng đứng.
	- Khung và vỏ được chế tạo bằng thép không gỉ SUS 304.
	- Kích thước máy: $\geq R1150 \times C1900 \times S1700$ (mm)
	Buồng hấp:
	- Hình khối chữ nhật nằm ngang.

	- Được chế tạo bằng thép không gỉ SUS 304, có lớp cách nhiệt.
	- Dung tích buồng hấp: ≥ 600 lít.
	Cửa buồng hấp:
	- 02 Cửa trượt đứng hoàn toàn tự động.
	- Được chế tạo bằng thép không gỉ SUS 304.
	Buồng sinh hơi:
	- Được chế tạo bằng thép không gỉ SUS 304, có lớp cách nhiệt.
	- Được lắp sẵn trong máy chính, gia nhiệt bằng điện bởi thanh đốt được bọc bằng thép không gỉ SUS 304.
	- Công suất thanh đốt: $\geq 30\text{kW}$ (tối đa).
	Máy hút chân không:
	- Chống rung và chống ồn.
	- Công suất lớn nhất: $\geq 3,0$ kW.
	Hệ thống giảm nhiệt cho máy hút chân không:
	- Vật liệu chính: Thép không gỉ SUS 304
	- Dải nhiệt độ làm việc: $\leq (-195^{\circ}\text{C}) \div \geq (+225^{\circ}\text{C})$.
	Phin lọc không khí, van, đường ống và cảm biến:
	- Có phin lọc không khí vào.
	- Sử dụng các van điện và van khí nén.
	- Đường ống dẫn hơi chính được làm bằng thép không gỉ SUS 304.
	Chức năng hiển thị như sau:
	- Tên chương trình hấp.
	- Tên các giai đoạn của chu trình hấp.
	- Biểu đồ các pha của chu trình hấp.
	- Nhiệt độ tiết trùng đã cài đặt và nhiệt độ tiết trùng đang hoạt động.
	- Thời gian thực.
	- Thời gian (tiệt trùng, sấy khô) cài đặt.
	- Thời gian (tiệt trùng, sấy khô) còn lại (đếm ngược).
	- Áp suất hấp tiết trùng thực đang hoạt động.
	- Thông tin báo động và cảnh báo.
	- Trạng thái cửa (đóng hoặc mở).
	Chức năng hiển thị trên đồng hồ áp suất:
	- Áp suất buồng hấp.
	- Áp suất buồng sinh hơi.
	- Áp suất lớp áo buồng hấp.
	- Áp suất khoang gioăng.
	Lưu trữ dữ liệu:
	- Chức năng lưu trữ các dữ liệu đã cài đặt
	Các thông số hoạt động của máy:
	- Nhiệt độ tiết trùng: tối đa $\geq 135^{\circ}\text{C}$.
	- Thời gian tiết trùng tối đa: ≤ 180 phút.
	- Bước cài đặt thời gian: ≥ 1 phút.
	- Dải thời gian sấy khô tối đa: ≤ 180 phút.
	Hệ thống báo lỗi và bảo vệ an toàn:
	- Báo lỗi bằng ánh sáng, âm thanh và hiển thị lỗi trên màn hình cảm ứng.
	- Báo lỗi và dừng chương trình khi cửa buồng hấp chưa đóng hoặc đóng không đúng vị trí.

	- Báo lỗi và ngắt nguồn thanh gia nhiệt khi buồng sinh hơi thiếu nước hoặc hết nước và thông báo trên màn hình màu cảm ứng
	- Báo lỗi và tạm dừng chương trình khi thiếu nước làm kín cho máy hút chân không.
	- Báo lỗi và tạm dừng chương trình khi thiếu nước, hết nước cấp cho máy bơm cao áp
	- Tự động ngắt nguồn khi mất pha, lệch pha bằng thiết bị chống mất pha.
	- Bảo vệ bơm chân không khi quá nhiệt bằng rơ le nhiệt.
	- Báo lỗi, dừng chương trình và tự động ngắt nguồn điện thanh gia nhiệt khi bộ cảm biến nhiệt độ bị lỗi hoặc không hoạt động.
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 24 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. Bên bán phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Anh). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
3.	DÂY SOI MỀM: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Năm sản xuất: năm 2026 trở về sau, mới 100%
	Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE hoặc ISO 13485 và FDA hoặc tương đương
	Nguồn cung cấp: 220VAC, 50Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$
	Yêu cầu xuất xứ hãng sản xuất: Thuộc nhóm các nước G7
II	CẤU HÌNH:
	Bộ phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
1	Nắp đậy kênh dụng cụ: 01 cái
2	Nắp đậy thông áp: 01 cái
3	Đầu nối thông áp : 01 cái
4	Đầu nối vệ sinh kênh khí/nước: 01 cái
5	Đầu nối vệ sinh kênh nước phụ: 01 cái
6	Nắp đậy ổ van: 01 cái
7	Chai dầu silicon: 01 chai
8	Ống kênh nước phụ: 01 cái
9	Bộ ron cao su cho van khí/nước: 01 bộ
10	Bộ van kiểm tra: 01 bộ
11	Bộ ron cao su cho van hút: 01 bộ
12	Chổi rửa ngắn sử dụng 1 lần: 01 cái
13	Chổi rửa dài sử dụng 1 lần: 01 cái
14	Đầu nối van kiểm tra kênh nước phụ: 01 cái
15	Van khí/nước: 01 cái

16	Van hút: 01 cái
17	Nắp đầy kênh nước phụ: 01 cái
18	Hộp đựng thiết bị: 01 cái
19	Hướng dẫn sử dụng: 01 cái
III	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT:
	Dây nội soi đại tràng tích hợp nguồn sáng LED ống mềm video
	Tương thích với hệ thống nội soi đang sử dụng ở bệnh viện
	Kết nối một chạm và thao tác dễ dàng hơn với thiết kế đầu cầm dây soi nhỏ gọn
	Đầu kết nối kín nước mà không yêu cầu nắp đầy
	Hướng quan sát: Nhìn thẳng (0 độ)
	Góc nhìn: ≥ 140 độ
	Độ sâu trường nhìn: ≤ 3 đến ≥ 100 mm
	Khả năng uốn cong:
	+ Lên: ≥ 180 độ
	+ Xuống: ≥ 180 độ
	+ Phải: ≥ 160 độ
	+ Trái: ≥ 160 độ
	Đường kính đầu ống soi: ≤ 13.2 mm
	Đường kính thân ống soi: ≤ 13.2 mm
	Đường kính kênh sinh thiết: ≥ 3.8 mm
	Chiều dài làm việc trong khoảng : $\geq 1300 - < 1500$ mm
	Có kênh nước phụ riêng
	Hệ thống chiếu sáng: 2 đường
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Anh). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
4.	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT TẠI MŨI HỌNG: 01 Bộ
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau.
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR hoặc tương đương
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Bộ dụng cụ phẫu thuật Tai mũi họng bao gồm:
	Cán dao mổ số 3: 1 Cái
	Kẹp khăn: 4 Cái
	Kìm kẹp kim: 1 Cái

	Kẹp mô: 1 Cái
	Kẹp Adson: 1 cái
	Kẹp thay băng: 2 cái
	Kẹp cầm máu: 10 cái
	Dụng cụ vi phẫu thanh quản: 2 cái
	Tay cầm dụng cụ vi phẫu thanh quản: 1 cái
	Kéo phẫu tích MAYO: 1 cái
	Kẹp nong khí quản: 1 cái
	Banh Farabeuf: 4 cái
	Dụng cụ banh: 1 cái
	Kéo cắt mô METZENBAUM: 1 cái
	Kẹp mũi xoang: 1 cái
	Dụng cụ bóc tách vi phẫu thanh quản: 1 cái
III	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
	Cán dao mổ số 3: Chiều dài ≥ 125 mm, loại số 3. Thăng một đầu kết nối với lưỡi dao. Tay cầm có khía rãnh chống trượt.
	Dụng cụ vi phẫu thanh quản: Dao vi phẫu thanh quản, thẳng, lưỡi liềm, chiều dài ≥ 230 mm, chiều rộng lưỡi dao ≤ 2 mm
	Dụng cụ vi phẫu thanh quản: Dao vi phẫu thanh quản, thẳng, lưỡi tròn, chiều dài ≥ 230 mm, chiều rộng lưỡi dao ≤ 3 mm
	Dụng cụ bóc tách vi phẫu thanh quản: Chiều dài ≥ 230 mm, đầu tròn, cong nhẹ, chiều rộng lưỡi dao ≤ 2 mm
	Tay cầm dụng cụ vi phẫu thanh quản: Dùng với móc thanh quản, dao thanh quản, cây thăm dò thanh quản; có thể thay thế lắp ráp
	Kẹp cầm máu: 125mm, thẳng, mỏ muỗi
	Kẹp cầm máu: 125 mm, cong, mỏ muỗi
	Kẹp cầm máu: 140 mm, mỏ thẳng
	Kẹp cầm máu: 140 mm, mỏ cong
	Kẹp cầm máu: 160 mm, mỏ cong
	Kim kẹp kim: ≥ 140 mm, đầu kim nhỏ
	Kẹp Adson: Kích thước ≥ 120 mm, kẹp có máu
	Kẹp thay băng: chiều dài ≥ 140 mm, loại thẳng, hàm có răng cưa
	Kẹp mô: chiều dài ≥ 160 mm, loại thẳng, kẹp có máu
	Kẹp khăn: ≥ 110 mm, đầu tròn
	Kéo phẫu tích MAYO: Chiều dài ≥ 170 mm, thẳng
	Kẹp nong khí quản: dài ≥ 150 mm, đầu cong
	Banh Farabeuf: Dài ≥ 117 mm, 10mm X 23 mm
	Banh Farabeuf: Dài ≥ 117 mm, 10mm X 37 mm
	Dụng cụ banh: ≥ 160 mm, dùng cho khí quản
	Kéo cắt mô METZENBAUM: ≥ 180 mm, thẳng
	Kẹp mũi xoang: cong lên 90° , đầu nhọn
IV	IV. YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng tại nơi sử dụng: Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Là nhà phân phối chính thức sản phẩm của nhà sản xuất hoặc được uỷ quyền hợp pháp.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt).
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao.

5.	MÁY CẮT ĐÓT CAO TẦN: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 13485 và CE hoặc ISO 13485 và FDA
	Nguồn cung cấp: 220VAC, 50Hz
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm: $\geq 70\%$
	Xuất xứ (máy chính): thuộc nhóm các nước G7
II	CẤU HÌNH YÊU CẦU
1	Máy chính: 01 cái
2	Bàn đạp điều khiển bằng chân 2 nút bấm: 01 cái
3	Bàn đạp điều khiển bằng chân 1 nút bấm: 01 cái
4	Tay cầm điện cực với 2 nút điều chỉnh và dây cáp: 02 cái
5	Dao điện đơn cực: 02 cái
6	Kẹp lưỡng cực gấp gập: 01 cái
7	Cáp lưỡng cực: 01 cái
8	Miếng dán điện cực trung tính dùng một lần, loại gel cho người lớn, trẻ em: 05 cái
9	Dây nối tám điện cực: 01 cái
10	Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
III	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	Máy chính:
	Công suất cắt cực đại $\geq 400W$ tại 500 Ohm
	Công suất đốt cực đại $\geq 150W$ tại 500 ohm
	Chế độ kích hoạt đồng thời hay tay sao
	Có thể lưu trữ ≥ 9 chương trình
	Có hệ thống giám sát điện cực trung tính
	Có đầy đủ các chế độ cắt đơn cực như: cắt đơn cực thuần, cắt đơn cực cầm máu, cắt đơn cực trong môi trường nước
	Có đầy đủ các chế độ cầm máy đơn cực tối thiểu gồm: Đốt cầm máu bề mặt, đốt cầm máu sau, đốt cầm máu không tiếp xúc, đốt cầm máu 2 tay dao cùng lúc
	Có các chế độ lưỡng cực:
	- Chế độ cắt lưỡng cực
	- Chế độ cầm máu lưỡng cực
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. Bên bán phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
6.	MÁY ĐIỆN TIM: 05 Cái

I	YÊU CẦU CHUNG:
	Năm sản xuất: năm 2026 trở về sau, mới 100%.
	Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
	Tuân thủ tiêu chuẩn an toàn điện y tế IEC 60601-1 hoặc tương đương.
	Nguồn điện cung cấp: 220V, 50Hz.
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH THIẾT BỊ TỐI THIỂU
	Máy chính (Máy đo điện tim 6 kênh): 01 cái
	Cáp đo điện tim chuyên dụng: 01 bộ
	Bộ điện cực chi dạng kẹp: 01 bộ
	Bộ điện cực ngực (dạng quả bóp hút hoặc dạng dán): 01 bộ
	Giấy điện tim: 2 cuộn
III	YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
	Tính năng chung
	Hiển thị trực tiếp dạng sóng 12 đạo trình đồng thời thời gian thực trước khi in; có hệ thống mã hóa màu sắc chỉ thị chất lượng tiếp xúc điện cực hoặc cảnh báo mất kết nối điện cực rõ ràng.
	Tích hợp thuật toán tự động theo dõi, phát hiện rối loạn nhịp tim (như nhanh, chậm, ngoại tâm thu) và có chế độ tự động cảnh báo bằng chữ in đậm/biểu tượng trực quan hoặc tự động kéo dài dải in khi có rối loạn nhịp.
	Có khả năng nhập thông tin thông tin của bệnh nhân như: ID, Họ tên, Tuổi, Giới tính,...
	Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu điện tim hoặc HIS/PACS/EMR của bệnh viện thông qua các giao thức chuẩn y tế HL7, DICOM Structured Reports hoặc kết nối truyền dữ liệu qua mạng FTP/HTTP/SAMBA.
	Hỗ trợ xuất dữ liệu đa dạng dưới dạng hình ảnh thông dụng (BMP/JPG) và/hoặc định dạng dữ liệu XML lâm sàng.
	Tích hợp tính năng tiết kiệm năng lượng tự động hoặc chế độ chờ thông minh Standby có nút bấm đánh thức nhanh chóng để sạc pin và bảo vệ thiết bị.
	Thông số kỹ thuật chi tiết
	Màn hình màu cảm ứng hiển thị sóng điện tim
	Kích thước màn hình màu lớn ≥ 8.0 inch (đường chéo) hiển thị đồng thời dải sóng tim rõ ràng.
	Sử dụng khổ giấy in nhiệt rộng tương đương khổ A4 hoặc giấy xếp gấp nếp Z-fold khổ ≥ 210 mm
	Thu nhận tín hiệu đồng thời tối thiểu 12 chuyển đạo chuẩn (I, II, III, aVR, aVL, aVF, V1-V6) thời gian thực.
	Tần số lấy mẫu tín hiệu tại mạch thu nhận (điện cực/đạo trình): ≥ 8.000 Hz mỗi kênh/điện cực.
	Tích hợp sẵn pin sạc bên trong máy.
	Cơ chế cảnh báo pin yếu rõ ràng, trực quan thông qua biểu thị % pin hoặc biểu tượng đổi màu trên màn hình kết hợp phát âm thanh cảnh báo.
	Bộ bộ nhớ trong lưu trữ dữ liệu dạng số tối thiểu được ≥ 200 bản ghi ECG đầy đủ và hỗ trợ mở rộng qua cổng USB ngoài.
IV	YÊU CẦU KHÁC:
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. Bên bán phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.

	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO, giấy kiểm định theo quy định của nhà nước khi bàn giao máy.
7.	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT ĐẦU MẶT CỎ: 01 Bộ
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị được sản xuất từ năm 2026 trở về sau, mới 100%.
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE MDR hoặc tương đương
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH
1	Tay khoan đầu gấp góc 45° Tay khoan nha khoa Ti-Max dùng trong nha khoa * Tỷ số truyền $\geq 1:3$ tăng tốc * Cho mũi khoan FG * Đầu gấp góc $45^\circ \pm 10\%$ * ≥ 3 điểm phun sương / làm mát ngoài * Thân bằng Titanium hoặc tương đương * Thân phủ lớp DURAGRIP hoặc tương đương / hoặc tốt hơn * Tốc độ tối đa $\geq 120,000$ vòng/phút * Phủ lớp DLC/Hệ thống chống sinh nhiệt/ Quang học thủy tinh/ Vòng bi sứ/ Hệ thống làm sạch đầu tay khoan/ Chuck bấm: 01 Cái
2	Tay khoan đầu thẳng Tay khoan nha khoa, dùng trong nha khoa * Đầu tay khoan thẳng * Tỷ số truyền $\geq 1:1$ đồng tốc * Cho mũi khoan phẫu thuật $(2.35) \pm 10\%$ * Tốc độ tối đa $\geq 40,000$ vòng/phút * Chuck vận: 03 Cái
3	Tay khoan đầu cong 20° Tay khoan nha khoa * Đầu tay khoan cong $20^\circ \pm 10\%$ * Tỷ số truyền $\geq 1:1$ đồng tốc * Cho mũi khoan phẫu thuật $(2.35) \pm 10\%$ * Tốc độ tối đa $\geq 40,000$ vòng/phút * Chuck vận: 01 Cái
4	Tay khoan nha khoa SGR2-E tỷ số truyền 3:1 giảm tốc Tay khoan nha khoa * Tỷ số truyền $\geq 3:1$ giảm tốc * Tốc độ tối đa $\geq 12,600$ kỳ/phút * Vòi xịt bên ngoài: 01 Cái
5	Tay khoan nha khoa SGO2-E tỷ số truyền 3:1 giảm tốc Tay khoan nha khoa * Tỷ số truyền $\geq 3:1$ giảm tốc * Tốc độ tối đa $\geq 12,800$ kỳ/phút * Vòi xịt bên ngoài: 01 Cái
6	Lưỡi cưa dao động rung Lưỡi cưa dao động rung, gắn được vào đầu tay khoan trên, gồm các cỡ, : 05 Cái

7	Lưỡi cưa dao động tịnh tiến Lưỡi cưa dao động rung, gắn được vào đầu tay khoan trên, gồm các cỡ, : 05 Cái
8	Đục nha khoa: : 01 Cái - Chiều dài 150mm $\pm$ 5%, chiều rộng đầu 1mm $\pm$ 5%, lưỡi vát đơn, tay cầm hình lục giác. - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương chuyên dụng trong y tế, được xử lý bề mặt bằng công nghệ mạ Crom hoặc tương đương.
9	Cây nạo Gracey: 02 Cái - Chiều dài 170mm $\pm$ 5%, đầu 5 - 6, đầu đôi, tay cầm silicone. - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương chuyên dụng trong y tế, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
10	Cây nạo Gracey: 02 Cái - Chiều dài 170mm $\pm$ 5%, đầu 7 - 8, đầu đôi, tay cầm silicone. - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương chuyên dụng trong y tế, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
11	Cây nạo Gracey: 02 Cái - Chiều dài 175mm $\pm$ 5%, đầu 11 - 12, đầu đôi, tay cầm silicone. - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương chuyên dụng trong y tế, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
12	Cây nạo Gracey: 02 Cái - Chiều dài 175mm $\pm$ 5%, đầu 13 - 14, đầu đôi, tay cầm silicone. - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương chuyên dụng trong y tế, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
13	Que thăm dò nha chu: 01 Cái - Chiều dài 160mm $\pm$ 5%, có chia vạch, tay cầm tròn khía. - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương chuyên dụng trong y tế, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
14	Dũa xương: 01 Cái - Tổng chiều dài 180mm $\pm$ 5%, cong kép, đầu có răng, cán tròn. - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
15	Kẹp mô ALLIS: 02 Cái - Tổng chiều dài 160mm $\pm$ 5%, dạng thẳng, có 5x6 răng, tay cầm xỏ ngón có khóa. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế được xử lý bề mặt bằng công nghệ mạ Crom hoặc tương đương.
16	Kẹp gạc: 02 Cái - Tổng chiều dài 250 mm $\pm$ 5%, loại thẳng, có răng, chiều rộng đầu 10 mm $\pm$ 5%, tay cầm xỏ ngón có khóa - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế được xử lý bề mặt bằng công nghệ mạ Crom.
17	Kẹp chỉnh hình trái: 01 Cái - Chiều dài 235mm $\pm$ 5%, loại trái, dùng để nắn chỉnh xương hàm trên - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
18	Kẹp chỉnh hình phải: 01 Cái - Chiều dài 235mm $\pm$ 5%, loại phải, dùng để nắn chỉnh xương hàm trên. - Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
19	Móc mô mềm, móc đơn 3mm: 02 Cái - Chiều dài 140mm $\pm$ 10%, độ sâu móc 3mm - 4mm, móc đơn/ móc nhọn. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế, bề mặt chống ăn mòn, có độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
20	Móc mô mềm, móc đơn 3,5 mm: 02 Cái - Chiều dài 140mm $\pm$ 10%, độ sâu móc 3mm - 5mm, móc đơn/ móc nhọn.

	- Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế, bề mặt chống ăn mòn, có độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
21	Đục xương dạng thẳng dài 140mm: 01 Cái - Tổng chiều dài 140mm $\pm$ 10%, đầu rộng 8mm $\pm$ 10%, dạng thẳng, lưỡi vát hai bên, cán dẹt. - Vật liệu thép không gỉ, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, có khả năng chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
22	Đục xương dạng cong dài 140mm: 01 Cái - Tổng chiều dài 140mm $\pm$ 10%, đầu rộng 6-8mm, dạng thẳng, lưỡi vát hai bên, cán dẹt. - Vật liệu thép không gỉ, bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, có khả năng chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
23	Đục xương dạng thẳng dài 160mm: 01 Cái - Tổng chiều dài 160mm $\pm$ 5%, đầu rộng 8mm - 10mm, dạng thẳng. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
24	Đục xương thẳng, thanh bảo vệ bên trái: 01 Cái - Tổng chiều dài 160mm $\pm$ 10%, đầu rộng 6mm - 8mm, dạng thẳng, thanh bảo vệ bên trái - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
25	Đục xương thẳng, thanh bảo vệ bên phải: 01 Cái - Tổng chiều dài 160mm $\pm$ 10%, đầu rộng 6mm - 8mm, dạng thẳng, thanh bảo vệ bên phải - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
26	Banh tạo hình, móc cong lên: 01 Cái - Chiều dài 230mm $\pm$ 10%, rộng 12mm $\pm$ 5%, độ sâu móc 55mm $\pm$ 5%, cong lên - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
27	Banh tạo hình, móc cong xuống: 01 Cái - Chiều dài 225mm $\pm$ 10%, rộng 10mm $\pm$ 10%, độ sâu móc 42mm $\pm$ 5%, cong lên - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
28	Banh tạo hình dùng cho cành lên xương hàm dưới: 01 Cái - Chiều dài 160mm $\pm$ 5%, đầu rộng 10mm $\pm$ 5%, dùng cho ngành lên xương hàm dưới. - Vật liệu thép không gỉ, công nghệ xử lý bề mặt chải xước cao cấp không mạ mang lại lớp hoàn thiện bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, duy trì khả năng chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
29	Banh tạo hình, móc kéo trong xương hàm dưới: 01 Cái - Chiều dài 220mm $\pm$ 10%, rộng 11mm $\pm$ 10%, độ sâu móc $\geq$ 40mm, móc kéo trong xương hàm dưới. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
30	Banh tạo hình cong trái: 01 Cái - Chiều dài 210mm $\pm$ 10%, móc rộng $\geq$ 25mm, đầu trước rộng $\geq$ 16mm, cong trái, dùng trong khoang

	miệng. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
31	Banh tạo hình cong phải: 01 Cái - Chiều dài 210mm $\pm$ 10%, móc rộng $\geq$ 26mm, đầu trước rộng $\geq$ 16mm, cong phải, dùng trong khoang miệng. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
32	Banh tạo hình cong phía trước: 01 Cái - Chiều dài 250mm $\pm$ 10%, đầu rộng $\geq$ 12 mm, thân rộng $\geq$ 26mm, cong lên phía trước, dùng trong khoang miệng. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
33	Banh tạo hình cong lên: 01 Cái - Chiều dài 220mm $\pm$ 10%, đầu rộng $\geq$ 9 mm, thân rộng $\geq$ 16mm, cong lên, dùng trong khoang miệng. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
34	Banh phẫu thuật có tích hợp đường dẫn quang: 01 Cái - Kích thước 230$\times$25mm $\pm$ 10%, loại cong, sử dụng cho phẫu thuật khoang miệng và xương hàm dưới, có tích hợp đường dẫn quang. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế, công nghệ xử lý bề mặt chải xước cao cấp không mạ mang lại lớp hoàn thiện bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, duy trì khả năng chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
35	Cây bóc tách: 01 Cái - Chiều dài 175mm $\pm$ 10%, đầu rộng 4mm-6mm, lưỡi cong tròn. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
36	Kẹp khăn: 01 Cái - Chiều dài 140mm $\pm$ 10%, đầu nhọn, tay cầm xò ngón có khoá. - Vật liệu thép không gỉ, công nghệ xử lý bề mặt chải xước cao cấp không mạ mang lại lớp hoàn thiện bề mặt dụng cụ mịn đều, giảm chói, duy trì khả năng chống ăn mòn, cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
37	Ống hút mũi: 04 Cái - Tổng chiều dài 190mm $\pm$ 10% , đường kính ống $\leq$ 6mm, đầu cong, độ cao phần cong $\leq$ 50mm. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
38	Banh tạo hình cong xuống: 01 Cái - Chiều dài 225mm $\pm$ 5%, rộng 10mm-11mm, độ sâu móc 35mm, cong xuống. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn

	mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
39	Dụng cụ đè lưỡi: 01 Cái
40	Banh tạo hình cong lên: 01 Cái - Chiều dài 220mm ± 5%, đầu rộng 9.5mm ± 5%, thân rộng 16mm ± 5%, cong lên, dùng trong khoang miệng. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
41	Đục xương dạng cong: 01 Cái - Tổng chiều dài 230mm ± 5%, đầu rộng ≥12mm, dạng cong, lưỡi phẳng, cán hình chữ nhật. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế được xử lý bề mặt bằng công nghệ mạ Crom.
42	Đục STILLE: 02 Cái - Tổng chiều dài ≤240mm, đầu rộng 12mm, dạng thẳng, lưỡi phẳng, cán lục giác. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế được xử lý bề mặt bằng công nghệ mạ Crom.
43	Đục xương dạng thẳng: 01 Cái - Tổng chiều dài ≥280mm, đầu rộng 6mm, dạng thẳng, lưỡi phẳng, cán khía nhám. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế được xử lý bề mặt bằng công nghệ mạ Crom.
44	Đục xương lưỡi siêu mỏng: 01 Cái - Tổng chiều dài ≤230mm, đầu rộng 10mm, đầu thẳng, lưỡi siêu mỏng, lưỡi tròn, cán kim loại lục giác. - Vật liệu thép không gỉ chuyên dụng trong y tế với công nghệ bề mặt mờ phun cát cao cấp giúp giảm phản xạ ánh sáng, tăng khả năng quan sát cho phẫu thuật viên, đồng thời tạo nên bề mặt chống ăn mòn cao cấp với khả năng chống xước và cải thiện độ bám khi cầm nắm nâng cao độ chính xác trong phẫu thuật.
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
1	Tất cả dụng cụ đồng bộ chính hãng
2	Sai số kích thước cho phép ≤ 10% (Các thông số có yêu cầu dấu ≥ hoặc ≤ ưu tiên đáp ứng trước; sai số cho phép: ≤ ± 10% ưu tiên đáp ứng sau)
3	Các dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có in mã số, logo hãng sản xuất, dấu Data Matrix chống hàng giả theo tiêu chuẩn GS1
4	Nguyên liệu và quy trình sản xuất dụng cụ tối thiểu phải tuân theo các tiêu chuẩn sau:
	Vật liệu thép không gỉ dùng sản xuất dụng cụ theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, DIN 17440
	Sản phẩm tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: tiệt khuẩn bằng hơi nước bão hòa dưới áp lực (121°C-134°C), tiệt khuẩn plasma hydrogen peroxide nhiệt độ thấp và tiệt khuẩn bằng khí Ethylene Oxide (EO) hoặc tương đương
	Xử lý bề mặt cho các bộ phận bằng thép không gỉ tuân theo tiêu chuẩn ASTM Designation A 380
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng tại nơi sử dụng: Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Là nhà phân phối chính thức sản phẩm của nhà sản xuất hoặc được uỷ quyền hợp pháp.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt).
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao.
8.	TỦ BẢO QUẢN VACCINE: 02 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2026 trở về sau
	Thiết bị phải đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE (DOC) hoặc tương đương

	Nguồn điện sử dụng: 220 V, 50Hz
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH
	Máy chính: 01 tủ
	Kệ đỡ mẫu: 05 cái
	Hướng dẫn sử dụng: 01 bản
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
1	Đặc điểm kỹ thuật
	Các loại tủ lạnh chuyên dụng cho nhà thuốc này phù hợp để bảo quản vắc-xin, thuốc và các sản phẩm phòng thí nghiệm hoặc tương đương
	Các kệ có thể điều chỉnh
	Có cửa kính sủi điện
	Chức năng báo động âm thanh và hình ảnh
	Báo động nhiệt độ cao
	Báo động nhiệt độ thấp
	Số lượng kệ / ngăn kéo: ≥ 5
2	Kích thước thiết bị:
	Dung tích: ≥ 400 L
	Khối lượng tịnh (kg): ≤ 88 kg
	Thông số kỹ thuật:
	Kiểu làm lạnh: Hệ thống làm lạnh cưỡng bức
	Kiểu ră đông: Tự động hoặc tương đương
	Hiệu suất máy:
	Khoảng nhiệt độ: nhiệt độ môi trường từ $\leq +2^{\circ}\text{C}$ đến $\geq +8^{\circ}\text{C}$
	Điều khiển
	Bộ điều khiển: bộ vi xử lý
	Thông số điện:
	Công suất định mức: $\geq 260\text{W}$
	Có chuông báo động khi nhiệt độ thay đổi ngoài khoảng $\leq +2^{\circ}\text{C}$ đến $\geq +8^{\circ}\text{C}$
	Có thiết bị trích xuất được file nhiệt độ tủ bất cứ lúc nào
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. Bên bán phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
9.	MÁY ĐO ĐỘ SÂU GÂY MÊ: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG

	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau.
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
	Nguồn điện: 220V, 50Hz
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH THIẾT BỊ TỐI THIỂU
	Máy chính: 01 cái
	Cáp đo điện tim ECG y tế chuyên dụng kèm điện cực: 01 bộ
	Cảm biến đo độ bão hòa oxy SpO2 dùng nhiều lần: 01 cái
	Bao đo huyết áp không xâm lấn NIBP dùng nhiều lần kèm ống dẫn khí: 01 bộ
	Cáp kết nối IBP và cảm biến đo áp lực xâm lấn (IBP Accessory): 01 bộ
	Cảm biến đo nhiệt độ cơ thể dùng nhiều lần (TEMP): 01 cái
	Pin sạc dự phòng chuyên dụng tích hợp trong máy chính: 01 cái
	Mô-đun theo dõi độ sâu gây mê: 01 bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt): 01 bộ
III	YÊU CẦU THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Tính năng chung
	Máy monitor này có 6 thông số trên màn hình, bao gồm: huyết áp không xâm lấn (NIBP), huyết áp xâm lấn (IBP), nồng độ oxy bão hòa trong máu (SpO2), nhiệt độ cơ thể (Temp), chỉ số điện tim (ECG) và nhịp thở.
	Có khả năng kết nối mạng thông qua cổng mạng Ethernet RJ45 và hỗ trợ truyền xuất dữ liệu theo giao thức y tế tiêu chuẩn HL7 y khoa.
	Khả năng tích hợp mô-đun theo dõi độ sâu gây mê (Anesthesia Depth Monitoring - BIS/SedLine): Thiết bị phải hỗ trợ cảm mô-đun hoặc mở rộng phần cứng chuyên biệt để đo điện não đồ trán, đánh giá mức độ tỉnh táo/mê sâu của bệnh nhân dưới tác dụng của thuốc gây mê nhằm chống thức tỉnh trong mổ.
2	Thông số kỹ thuật chi tiết
	Màn hình hiển thị màu tích hợp công nghệ cảm ứng, kích thước màn hình ≥ 12.0 inches, độ phân giải tối thiểu đạt 1280 x 800 pixels, có khả năng hiển thị đồng thời ≥ 8 dạng sóng sinh lý y khoa.
	Đo điện tim ECG hỗ trợ thu nhận dải đạo trình linh hoạt (3, 5, hoặc 12 đạo trình), dải tần số đo lường (Diagnostic) bao trùm dải từ ≤ 0.05 Hz đến ≥ 150 Hz, có tích hợp thuật toán phân tích đoạn ST, theo dõi khoảng QT/QTc, và dải đo nhịp tim tối thiểu đạt trong khoảng 15 bpm đến 300 bpm với sai số đo lường $\leq \pm 1$ bpm.
	Đo nhịp thở (Respiration Rate - RESP): Phương pháp đo trở kháng lồng ngực, dải đo nhịp thở bao trùm từ 0 đến ≥ 120 bpm (hoặc 0-200 bpm), có tính năng cảnh báo ngừng thở (Apnea Alarm) cho phép điều chỉnh tối thiểu trong dải từ 10 đến 40 giây (hoặc rộng hơn).
	Đo huyết áp không xâm lấn (NIBP): Phương pháp đo dao động oscillometric tự động, hỗ trợ các chế độ Manual/Auto/STAT, dải đo huyết áp tâm thu cho người lớn bao trùm tối thiểu dải từ 30 đến 270 mmHg, sai số kỹ thuật cho phép $\leq \pm 3$ mmHg (hoặc ± 5 mmHg), có chế độ hỗ trợ thao tác chọc tĩnh mạch (Venous Puncture).
	Đo huyết áp xâm lấn (IBP): Hỗ trợ theo dõi đồng thời ≥ 02 kênh áp lực xâm lấn (hoặc nâng cấp tối đa lên đến 6 kênh), dải đo đo lường bao trùm dải tối thiểu từ -40 mmHg đến ≥ 360 mmHg, với sai số đo lường cho phép $\leq \pm 2\%$ (hoặc ± 4 mmHg tùy bộ cảm biến tương ứng).
	Dải đo SpO2: 0% đến 100%, sai số cho phép trong dải đo (70-100%) đạt $\leq \pm 2\%$ đối với người lớn/trẻ em và đạt $\leq \pm 3\%$ đối với trẻ sơ sinh, hỗ trợ dải đo nhịp mạch (Pulse Rate) tối thiểu từ 25 bpm đến 240 bpm, có chức năng hiển thị liên tục dạng sóng thể tích tuần hoàn máu (Pleth Waveform) trên màn hình.
	Đo nhiệt độ cơ thể (TEMP): Thiết bị hỗ trợ đo nhiệt độ cơ thể với sai số cho phép đạt $\leq \pm 0.3^{\circ}\text{C}$ (hoặc $\pm 0.2^{\circ}\text{C}$) trong dải đo lâm sàng tiêu chuẩn, hỗ trợ đo ≥ 01 kênh (hoặc 2 kênh nhiệt độ đồng thời).

	Thời gian sạc đầy pin dự phòng (Battery Charge Time): Thời gian hoạt động liên tục của pin dự phòng tích hợp từ lúc sạc đầy đạt tối thiểu: ≥ 2 giờ (ở cấu hình theo dõi các thông số vital signs cơ bản).
IV	YÊU CẦU KHÁC:
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
10.	TỦ NUÔI CÂY CO₂: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Năm sản xuất: năm 2026 trở về sau, mới 100%
	Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn ISO 9001/ ISO 13485
	Nguồn điện cung cấp: 220V; 50 Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP:
	Tủ chính: 01 Cái
	Phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh: 01 Bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + Tiếng Việt)
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	- Điều khiển kỹ thuật số PID hoặc tương đương
	- Nhiệt độ Môi trường $\leq +5$ đến $\geq 50^{\circ}\text{C}$
	- Độ chính xác nhiệt độ: $\leq \pm 0.1^{\circ}\text{C}$
	- Vùng CO ₂ : ≤ 1 đến $\geq 20\%$, độ chính xác: $\pm 0.1\%$
	- Cảm biến CO ₂ hồng ngoại hoặc tương đương
	- Hiện thị: Màn hình LCD
	- Kích thước trong: $\geq 470 \times 480 \times 607\text{mm}$ (WxDxH)
	- Kích thước ngoài: $\geq 605 \times 610 \times 900\text{mm}$ (WxDxH)
	- Thể tích: ≥ 165 lít
	- Vật liệu: Bên trong bằng thép không gỉ, bên ngoài bằng thép sơn tĩnh điện
	- Cửa 2 lớp, có silicon
	- Cửa trong bằng kính an toàn/ cường lực
	- Kệ: ≥ 3 kệ, bằng thép không gỉ, điều chỉnh được
	- Chế độ an toàn quá nhiệt
	- Trọng lượng: $\leq 98\text{kg}$
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. Bên bán phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: 02 lần/ năm.

	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
11.	MÁY HOLTER THEO DÕI TIM MẠCH ĐIỆN TIM 24H/24H: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Mới 100%, năm sản xuất từ năm 2026 trở về sau.
	Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.
	Thiết bị đạt chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng an toàn y tế (CE hoặc FDA hoặc tương đương).
	Xuất xứ (máy chính): thuộc nhóm nước G7 hoặc châu Âu
II	CẤU HÌNH THIẾT BỊ TỐI THIỂU
	Máy chính (Bộ ghi Holter điện tâm đồ): 01 cái
	Cáp bệnh nhân kết nối điện cực dùng nhiều lần: 01 bộ
	Phần mềm phân tích dữ liệu Holter điện tâm đồ trên máy tính: 01 bộ
	Cáp kết nối truyền tải dữ liệu máy Holter với máy tính PC: 01 cái
	Bao đựng máy bảo vệ kèm dây đai đeo bệnh nhân: 01 cái
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt): 01 bộ
III	YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
	Phần mềm phân tích dữ liệu Holter ECG tích hợp thuật toán tự động nhận diện, phân loại phức bộ QRS; tự động phát hiện các loạn nhịp tim bất thường (như ngoại tâm thu thất VE/PVC, ngoại tâm thu trên thất SVE/PAC, cơn nhịp nhanh, cơn nhịp chậm, các khoảng ngừng xoang, rung nhĩ AFib) và hỗ trợ phân tích biến đổi đoạn ST tâm soát thiếu máu cơ tim.
	Bộ ghi Holter có tích hợp nút nhấn ghi nhận sự kiện lâm sàng của người bệnh (Patient Event Button) để ghi nhận mốc thời gian xảy ra biến cố và hỗ trợ hiển thị đánh dấu đồng bộ trên phần mềm phân tích để bác sĩ đối chiếu triệu chứng.
	Hỗ trợ xem trước dạng sóng điện tâm đồ thời gian thực và kiểm tra chất lượng tiếp xúc các cực điện tâm đồ (Hookup Guidance / ECG Wave Preview) trực tiếp trên màn hình màu tích hợp của máy chính hoặc thông qua ứng dụng kết nối Bluetooth không dây với thiết bị di động (SmartPhone/Máy tính bảng).
	Có chức năng tự động nhận diện và phát hiện sự cố rụng lông điện cực dán trên người bệnh nhân (Lead-off Detection) để cảnh báo kịp thời cho người dùng hoặc hiển thị rõ ràng lỗi trên bản ghi.
	Bộ ghi có chức năng tự động phát hiện xung máy tạo nhịp tim nhân tạo (Pacemaker Pulse/Spike Detection) để phục vụ theo dõi động học của các bệnh nhân đã cấy ghép máy tạo nhịp tim.
	Thiết bị ghi nhận tích hợp công nghệ kết nối truyền thông không dây Bluetooth / BLE hỗ trợ kết nối đồng bộ dữ liệu hoặc xem trước tín hiệu dạng sóng nhanh chóng thông qua ứng dụng di động.
	Độ phân giải của bộ chuyển đổi tín hiệu tương tự sang kỹ thuật số (A/D Converter) đạt tối thiểu: ≥ 12 -bit.
	Hệ số thải nhiễu đồng pha (CMRR) của các kênh đo điện tim đạt tối thiểu: ≥ 80 dB.
	Dải tần số đáp ứng (Frequency Response) của mạch điện tâm đồ bao trùm khoảng: 0.05 Hz đến ≥ 40 Hz (hoặc mở rộng lên đến 160 Hz).
	Trở kháng đầu vào (Input Impedance) của hệ thống thu nhận tín hiệu đạt tối thiểu: > 10 M Ω .
	Dải điện áp thu nhận tín hiệu điện tâm đồ đầu vào đạt tối thiểu: $\geq \pm 5$ mV (hoặc dải động tương ứng ≥ 10 mV).

	Trang bị bộ nhớ trong kỹ thuật số dạng rắn tích hợp sẵn trong thân máy để lưu trữ toàn vẹn dữ liệu bản ghi (không sử dụng thẻ nhớ ngoài tháo rời để tránh nguy cơ lỏng thẻ hoặc thất lạc dữ liệu của người bệnh).
	Chỉ số bảo vệ chống bụi và nước xâm nhập của bộ ghi: Đạt tối thiểu IP43 (hoặc đạt cao hơn lên tới IP67 tùy thuộc vào công nghệ chế tạo của nhà sản xuất).
	Trọng lượng của bộ ghi di động (không bao gồm cáp bệnh nhân): ≤ 50 g (đảm bảo độ nhẹ tối đa, tạo sự thoải mái thoải tiện lợi khi đeo liên tục bên người bệnh nhân).
	Kích thước vật lý của thân máy chính (Ngang x Dọc x Dày): $\leq 70 \times 65 \times 18$ mm (sai số cho phép $\pm 10\%$).
	Nguồn pin hoạt động: Thiết bị sử dụng Pin sạc Lithium-ion tích hợp sẵn bên trong máy (sạc lại qua cổng truyền dữ liệu USB) hoặc sử dụng 01 viên pin loại AAA (Alkaline/NiMH).
IV	YÊU CẦU KHÁC:
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO, giấy kiểm định theo quy định của nhà nước khi bàn giao máy.
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 24 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: 02 lần/ năm.
12.	MÁY ĐO ĐIỆN CƠ: 01 Cái
I	Yêu cầu chung
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Đạt ISO 13485 (hoặc tương đương được công nhận)
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	Yêu cầu cấu hình tối thiểu
	Máy chính: 01 Cái
	Bộ phụ kiện tiêu chuẩn:
	Công tắc điều khiển từ xa: 01 Cái
	Cáp kết nối máy chính và điện cực: kẹp nút – chống chạm (xanh): 01 Cái
	Cáp kết nối máy chính và điện cực: kẹp nút – chống chạm (đỏ): 01 Cái
	Cáp kết nối máy chính và điện 1 Bộ: 01 Cái
	cực: kẹp nút – chống chạm (đen): 01 Cái
	Cáp điện cực chống chạm: 02 Cái
	Điện cực kim cho ống tiêm dùng một lần: 01 Cái
	Điện cực dán sử dụng một lần: 50 Cái
	Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh và Tiếng Việt): 01 Bộ
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Nguồn cấp: pin
	Chế độ kích thích: Xung đơn và lặp lại
	Dạng sóng xung: dòng kích thích không đổi (constant-current) hoặc dạng sóng hình chữ nhật

	Thời lượng xung: $\geq 180 \mu s$
	Biên độ xung: tối thiểu đạt dải $\leq 1 - \geq 15 \text{ mA}$
	Bước tăng biên độ xung: $\leq 1 \text{ mA}$.
	Tần số xung khi kích thích lặp lại: tối thiểu đạt dải $\leq 1 - \geq 2 \text{ Hz}$
	Độ lợi tại tần số 1000Hz, max: $\geq 50\,000$
	Băng thông ở -3 dB: $\leq 300 - \geq 6000 \text{ Hz}$
	Thiết bị cầm tay thiết kế hai trong một: máy đo EMG và bộ kích thích điện
	Xác định vị trí tiêm bằng điện cơ kim tự phát hoặc kích thích điện
	Chỉ báo EMG bằng âm thanh (qua loa tích hợp và cả tai nghe)
	Loạn trương lực cơ khu trú: co thắt cơ mi, loạn trương lực cơ cổ, co cứng cơ bàn tay khi viết, loạn trương lực miệng hàm dưới, các biểu hiện của loạn trương lực cơ xoắn vô căn, mất lác
	Phục hồi chức năng cho bệnh nhân bại não, đa xơ cứng, ảnh hưởng của chấn thương sọ não, chấn thương tủy sống, đột quỵ
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. Bên bán phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn, theo quy định của pháp luật hiện hành.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO, giấy kiểm định theo quy định của nhà nước khi bàn giao máy.
13.	MÁY LASER CHÂM CỨU: 02 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Năm sản xuất: năm 2026 trở về sau, mới 100%
	Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 (đối với máy chính)
	Nguồn điện: 220V;50Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
	Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH MỨC TỐI THIỂU:
	Máy laser châm cứu kèm thiết bị phụ trợ và phụ kiện tiêu chuẩn, trong đó đã bao gồm:
1	Máy chính kèm màn hình và phần mềm hiển thị tiếng việt: 01 Máy
2	Dây nguồn: 01 cái
3	Đầu phát laser: 12 cái
4	Kính bảo vệ mắt: 01 cái
5	Giá đỡ đầu phát: 01 cái
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Đầu phát Laser:
1	Số đầu ra: tối đa ≥ 12 kênh
2	Bước sóng: $\geq 655\text{nm}$
3	Công suất tối đa: $\geq 50\text{mW}$

4	Chế độ hoạt động: liên tục hoặc xung
	Đầu điều khiển
1	Có sẵn các tần số sinh học để trị liệu
2	Có màn hình LCD
3	Tần số: $\leq 1 - \geq 130$ Hz
4	Kích thước: $\leq 33 \times 31 \times 15$ cm
5	Trọng lượng: ≤ 5 Kg
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO, giấy kiểm định theo quy định của nhà nước khi bàn giao máy.
14.	MÁY TRUYỀN DỊCH: 03 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Mới 100%, năm sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.
	Nguồn điện AC: 240 V, 50 Hz
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
	Xuất xứ (máy chính): Thuộc nhóm nước G7
II	CẤU HÌNH THIẾT BỊ TỐI THIỂU
	Bơm truyền dịch đồng bộ, bao gồm tối thiểu:
	Thân máy chính mới 100%
	Pin sạc Lithium tích hợp sẵn trong máy
	Kẹp cốc truyền dịch đa hướng tháo lắp linh hoạt
	Dây nguồn AC tiêu chuẩn y tế
	Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh.
III	YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
1	Tính năng chung
	Hỗ trợ tối thiểu các chế độ truyền dịch: truyền theo tốc độ dòng (ml/h), kết hợp cài đặt thể tích - thời gian (Volume/Time), tự động tính toán liều lượng thuốc theo trọng lượng cơ thể bệnh nhân (Dose rate / body weight).
	Thiết bị hoạt động ổn định và đạt sai số lưu lượng theo công bố khi sử dụng dây truyền dịch y tế chính hãng hoặc các dòng dây truyền dịch phổ thông của nhà sản xuất uy tín trên thị trường.
	Thiết bị tích hợp sẵn thư viện thuốc trong bộ nhớ, hỗ trợ dung lượng tối thiểu $\geq 2,000$ tên thuốc và các dải đơn vị liều lượng đa dạng, có khả năng thiết lập giới hạn an toàn giảm thiểu sai sót liều dùng lâm sàng.
2	Thông số kỹ thuật chi tiết
	Trọng lượng máy chính nhỏ gọn, thuận tiện trong vận chuyển lâm sàng: Tối đa ≤ 2.2 kg.

	Kích thước nhỏ gọn, phù hợp để gắn trên cọc truyền dịch lâm sàng tiêu chuẩn bệnh viện.
	Dải cài đặt tốc độ truyền dịch tối thiểu đạt từ 0.1 ml/h đến 1,000 ml/h hoặc rộng hơn.
	Bước điều chỉnh tốc độ truyền dịch nhỏ mịn: ≤ 0.01 ml/h trên toàn dải.
	Sai số lưu lượng truyền dịch tối đa: $\leq \pm 5\%$.
	Thể tích dịch cần truyền (VTBI) cài đặt trước đạt dải tối thiểu từ 0.1 ml đến 9,999 ml.
	Hệ thống theo dõi tổng thể tích dịch đã truyền thực tế cho bệnh nhân, hiển thị tối thiểu từ 0.1 ml đến 9,999 ml.
	Màn hình hiển thị màu công nghệ LCD TFT kích thước tối thiểu đạt ≥ 2.4 inch hiển thị sắc nét các thông số kỹ thuật thực tế và thông tin báo động chi tiết.
	Trang bị pin sạc công nghệ Lithium (Li-ion hoặc Li-polymer) tích hợp sẵn trong máy. Thời lượng hoạt động liên tục bằng pin sạc tối thiểu đạt $\geq 6-8$ giờ ở tốc độ 25 ml/h. Thời gian sạc đầy pin tối đa không quá 6 giờ.
IV	YÊU CẦU KHÁC:
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO, giấy kiểm định theo quy định của nhà nước khi bàn giao máy.
15.	MÁY ĐO ABI: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất đạt chứng nhận ISO 13485
	Nguồn cung cấp: 220VAC, 50Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Máy tính bảng (kết nối không dây) tích hợp phần mềm phân tích ABI
	Trạm sạc máy tính bảng
	Module đo bao gồm 01 trạm sạc và 4 đầu đo kèm bao huyết áp size M
	Dây nguồn
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng
	Phần mềm kết nối với hệ thống quản lý thông tin bệnh viện
	Máy tính
	Máy in
III	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Phương pháp đo
	Nhịp tim và huyết áp tâm thu, tâm trương và huyết áp trung bình bằng phương pháp đo dao động và đo thể tích
2	Tiện ích mở rộng đo lường
	Huyết áp

	Huyết áp trung bình
	Huyết áp kép
3	Phạm vi đo
	Áp suất: ≤ 40 đến ≥ 240 mmHg
	Tốc độ xung: ≤ 30 đến ≥ 199 bpm
4	Quản lý dữ liệu thông minh
	Truy cập báo cáo an toàn
	Có thể in qua mạng nội bộ, lưu trữ trực tiếp trên máy tính cục bộ
	Hỗ trợ kết nối theo tiêu chuẩn: DICOM, HL7, XML, GDT, JSON
	Tích hợp tùy chỉnh đầy đủ theo yêu cầu
5	Phân loại bảo vệ
	Bảo vệ chống điện giật: Loại II hoặc tương đương
	Phân loại thiết bị y tế: Loại IIa hoặc tương đương
	Các bộ phận được áp dụng: Loại BF hoặc tương đương
	Phát xạ RF (CIPSR 11): Nhóm 1, Lớp B hoặc tương đương
	Bảo vệ xâm nhập: IP42 hoặc tương đương
6	Tiêu chuẩn áp dụng
	EN 60601-1 Yêu cầu chung về an toàn
	EN 60601-1-2 Tương thích điện từ - Yêu cầu và thử nghiệm
	EN 80601-2-30 Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và hiệu suất thiết yếu của máy đo huyết áp tự động, không xâm lấn
12	Thông số kỹ thuật bảng điều khiển/ trạm làm việc
	Hệ điều hành: MESI OS hoặc tương đương
	Bộ xử lý: CPU Quad ARM Cortex A53 @ lên tới ≥ 1.2 GHz mỗi lõi
	Đầu đọc mã vạch: Máy chụp ảnh mã vạch 1D/2D
	Màn hình: IPS 1280 $\times$ 800 px
	Lưu trữ: ≥ 8 GB
	RAM: ≥ 1 GB
	Kết nối: Wi-Fi 802.11b/g/n và Bluetooth 4.1 băng đơn tần 2.4GHz
	Camera: ≥ 5 MP
	Môi trường: IP2x, chống rơi 90 cm
	Âm thanh: Loa đơn âm
	Bảo mật: xác thực 2 bước, mật khẩu người dùng hoặc mã PIN
	Hoạt động của pin: hơn ≥ 8 giờ sử dụng liên tục
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO, giấy kiểm định theo quy định của nhà nước khi bàn giao máy.

16.	TỦ AN TOÀN SINH HỌC CẤP 2: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất đạt chứng nhận ISO 9001/ ISO 13485
	Nguồn cung cấp: 220VAC, 50Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH YÊU CẦU
	Tủ chính: 01 Cái
	Phụ kiện hoàn tất lắp đặt: 01 Bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + Tiếng Việt): 01 Bộ
III	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	- Phần trước mặt tủ nghiêng giúp người vận hành có cảm giác thoải mái khi đứng thao tác.
	Khay làm việc bằng thép không rỉ, có thể tháo rời để vệ sinh.
	- Kích thước ngoài: $\geq W900 \times D780 \times H1530$ mm
	- Kích thước trong: $\geq W790 \times D576 \times H649$ mm
	- Điều khiển đèn, quạt bằng công tắc điện
	- Dòng khí hồi lưu 70%, 30% khí còn lại được thổi qua lọc HEPA trước khi ra ngoài môi trường
	- Chiều cao cửa làm việc: ≥ 20 cm
	- Vật liệu trong tủ bằng inox 304 hoặc tương đương
	- Tốc độ dòng khí xuống: $\leq 0.3 - \geq 0.5$ m/s
	- Tốc độ dòng khí vào: ≥ 0.4 m/s
	- Tủ có 02 lọc HEPA hiệu quả lọc $\geq 99.99\%$ hạt có kích thước 0.3um.
	- Đèn UV loại ≥ 15 W, bước sóng ≥ 254 nm
	- Đèn LED chiếu sáng công suất ≥ 18 W
	- Điều khiển đèn chiếu sáng, đèn UV, quạt bằng phím
	- Cửa trượt bằng kính cường lực dày ≥ 5 mm
	- Khối lượng tủ: ≤ 190 kg
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. Bên bán phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn, theo quy định của pháp luật hiện hành.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
17.	KÍNH HIỂN VI 2 MẮT: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau.
	Nguồn điện sử dụng: 240V, 50Hz
	Nhà máy sản xuất có chứng chỉ ISO 13485

	Môi trường hoạt động phù hợp với khí hậu Việt Nam
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 35 độ C
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Thân kính với đầu quan sát hai mắt có cổng gắn camera quan sát: 01 cái
	Thị kính 10x 20mm với vòng chỉnh diopt: 02 cái
	Mâm gắn vật kính 4 vị trí: 01 cái
	Bộ vật kính: 4x, 10x, 20x, 40x S: 01 bộ
	Bàn sa trượt không dùng thanh răng: 01 cái
	Tụ quang Abbe, có thể chỉnh tiêu cự: 01 cái
	Nguồn sáng LED $\geq 3W$: 01 cái
	Camera hiển vi kỹ thuật số: 01 cái
	Dây điện nguồn: 01 cái
	Chai dầu soi: 01 chai
	Bao đựng kính: 01 cái
III	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT
	Kính được thiết kế dành cho nhu cầu giảng dạy Khoa học sự sống, Y khoa
	Được thiết kế dễ sử dụng và có độ bền cao
	Sử dụng bộ vật kính Plan ASC hoặc Hi Plan thế hệ mới, mang lại hình ảnh sắc nét và rõ ràng
	Thị kính được làm bằng chất liệu quang học chất lượng cao
	Thị kính có thể được khoá ngăn chặn việc tháo rời
	Có thể lắp thêm thước đo trực vi thị kính
	Đầu quan sát được thiết kế đảm bảo không bị môi khi quan sát trong nhiều giờ
	Vi trường quan sát lớn $\geq 20mm$
	Tụ quang tích hợp khoá đảm bảo điều chỉnh độ cao tối ưu
	Bàn mẫu không dùng thanh răng, điều khiển bên tay phải
	Bề mặt bàn mẫu có lớp phủ cứng, chống mài mòn
	Có giá đỡ kính lọc
	Toàn bộ kính và bộ vật kính được xử lý chống mốc
	Đầu quan sát hai mắt, góc nghiêng 30 độ, quang trường ≥ 20
	Khoảng cách điều chỉnh giữa hai đồng từ: $\leq 55 - \geq 75mm$
	Mâm gắn vật kính 4 vị trí
	Bộ vật kính
	Vật kính 4X: N.A. 0.10. Khoảng cách làm việc $\geq 15.5mm$
	Vật kính 10X: N.A. 0.25. Khoảng cách làm việc $\geq 7mm$
	Vật kính 20X: N.A. ≥ 0.40 Khoảng cách làm việc $\geq 0.9 mm$
	Vật kính 40X, có lò xo: N.A. 0.65. Khoảng cách làm việc $\geq 0.35mm$
	Bàn mẫu kích thước $\geq 140 \times 135mm$
	Hành trình di chuyển bàn mẫu $\geq 76 \times 26mm$
	Tụ quang Abbe N.A. 1.25. Có thể chỉnh tiêu cự và khoá
	Bước chỉnh vi cấp nhỏ nhất $\leq 3\mu m$
	Chỉnh thô với vòng điều chỉnh lực căng hoặc núm lấy nét có trọng lượng
	Hành trình di chuyển trục $\geq Z 25mm$
	Nguồn sáng truyền qua LED $\geq 3W$
	Tuổi thọ nguồn LED >10.000 giờ
	Camera hiển vi kỹ thuật số

	Loại cảm biến: sCMOS hoặc CMOS
	Kích thước cảm biến: 1"
	Vùng ảnh: $\geq 7.8\text{mm}$
	Độ phân giải: $\geq 12\text{MP}$
	Kích thước pixel: $\leq 2.4 \times 2.4 \mu\text{m}$
	Truyền dữ liệu qua cổng USB 3.1
	Tốc độ truyền hình ảnh tối đa: $\geq 50 \text{ fps ở } \geq 2736 \times 1824$
	Thời gian phơi sáng: $\leq 15 \mu\text{sec}$ đến $\geq 2 \text{ sec}$
	Độ nhạy: $\leq 461\text{mV(G) @ } 1/30 \text{ sec}$
	Các thiết bị hỗ trợ: TWAIN, SDK và DirectShow Driver hoặc tương đương
	Chức năng: Chụp ảnh và quay video, đo lường hình ảnh trực tiếp, chỉnh sửa ảnh, cân bằng trắng, phơi sáng tự động và bằng tay, hệ thống hiệu chuẩn từng vật kính
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. Bên bán phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn, theo quy định của pháp luật hiện hành.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
18.	MÁY CẠO VỚI RĂNG BẰNG SÓNG SIÊU ÂM: 02 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất đạt chứng nhận ISO 13485/ ISO 9001
	Nguồn cung cấp: 220VAC, 50/ 60Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Máy chính kèm thiết bị phụ trợ: 01 Cái
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Tần số dao động sóng siêu âm $\geq 25\text{KHz}$
	Áp suất nước: ≤ 175 đến $\geq 410 \text{ kPa}$ hoặc $\leq 25 \text{ PSIG} - \geq 60 \text{ PSIG}$
	Kích thước:
	+ Cao: $\leq 21\text{cm}$
	+ Rộng: $\leq 13\text{cm}$
	+ Dày: $\leq 21\text{cm}$
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.

	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
19.	GHẾ NHA KHOA: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất đạt chứng nhận ISO 13485/ ISO 9001
	Nguồn cung cấp: 220VAC, 50Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Ghế nha khoa chính: 01 chiếc
	Nệm PU: 01 chiếc
	Ghế bác sĩ: 01 chiếc
	Bàn đạp chân điều khiển đa chức năng: 01 chiếc
	Ống dẫn khí và nước bằng Polyether: 01 bộ
	Đèn LED: 01 bộ
	Bộ điều áp khí nén: 01 bộ
	Bộ lọc nước bằng thép không gỉ: 01 bộ
	Bảng điều khiển phụ trợ: 01 chiếc
	Bộ làm nóng nước 24V: 01 bộ
	Hút khí: 01 chiếc
	Hút nước: 01 chiếc
	Đèn LED đọc phim X-quang: 01 chiếc
	Tay khoan nha khoa tốc độ cao: 02 cái
	Tay khoan nha khoa dạng khuỷu tốc độ chậm: 01 cái
	Tay khoan nha khoa thẳng tốc độ thấp: 01 cái
	Cù chậm dùng trong nha khoa: 01 cái
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Khởi động và dừng êm, giảm rung lắc khi ghế di chuyển
	Vật liệu silicone 100% kết hợp vải nền độ bền cao bằng quy trình không dung môi
	Khả năng chống mài mòn lên đến ≥ 20.000 lần
	Bàn đạp đa chức năng vận hành không cần tay khi tráng cốc và súc bát nhỏ
	Cụm thiết bị phụ trợ gồm bàn phụ, bảng điều khiển, ống phun 3 chức năng và tay cầm hút
	Ghế bác sĩ tích hợp tựa lưng và tay vịn, đế nhôm đúc, bánh xe di chuyển êm
	Ống Polyether chống thủy phân, chống rách, tuổi thọ cao
	Hộp kết nối chống ẩm, đảm bảo vận hành an toàn và tin cậy
	Động cơ: độ ồn thấp, hiệu suất cao
	Bộ điều áp điều chỉnh áp suất ổn định và xả nước tự động
	Bộ lọc nước nâng cấp bằng thép không gỉ, ngăn tạp chất vào đường ống nước
	Chương trình tự kiểm tra lỗi, hỗ trợ kỹ sư xác định nhanh lỗi qua mã lỗi

	Bộ lọc hút tích hợp, đầu nối tự khóa, lưới nylon chống ăn mòn và dễ vệ sinh
	Thiết kế công thái học, tạo sự thoải mái cho người dùng
	Tay cầm tích hợp giúp di chuyển bát nhỏ, không cần chạm trực tiếp
	Van một chiều ngăn mùi hôi từ đường ống thoát nước
	Kích thước bàn nha sĩ (Dài × Rộng): $\geq 650 \times 315$ mm
	Tấm lót bàn bằng nhựa vệ sinh, hạn chế bạc màu do hóa chất và dễ vệ sinh
	Khay giữ dụng cụ lỗ lớn có thể xoay 90°
	Hộp thiết bị cấp nước hình chiếc khiên
	Nút tắt nhanh vị trí ghế Reset/Ghi nhớ
	Nút tắt nhanh tráng cốc và súc bát nhỏ: sau ≤ 8 giây, chương trình súc bát nhỏ ≤ 15 giây tự khởi động
	Nút tắt nhanh thoát nước: nâng ghế lên cao nhất và kích hoạt súc bát nhỏ ≤ 5 phút
	Màu sắc lựa chọn theo yêu cầu của người sử dụng
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
20.	MÁY NỘI NHA TÍCH HỢP ĐỊNH VỊ CHÓP: 02 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở về sau
	Nhà sản xuất đạt chứng nhận ISO 13485/ ISO 9001
	Nguồn cung cấp: 220VAC, 50Hz hoặc phù hợp với điện áp tại Việt Nam
	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Màn hình điện tử: 01 cái
	Sạc không dây: 01 cái
	Nội nha kết hợp định vị chóp: 01 cái
	Thân máy màu trắng, dễ vệ sinh: 01 cái
	Kèm 30 mũi rung rửa bằng silicon: 01 cái
	Đầu rung rửa và 01 đầu nội nha: 01 bộ
	Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh – Việt: 01 cái
III	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Mô-men xoắn điều chỉnh: $\leq 0,6 - \geq 4,0$ N.cm
	Tốc độ quay tối đa: ≥ 1000 vòng/phút
	4 chế độ làm việc: Nội nha, Quay lắc, Rung rửa, Đánh bóng
	Kích thước: $\geq 21,5 \times 7,8 \times 7,4$ cm
IV	YÊU CẦU KHÁC

	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
21.	MÁY HDF ONLINE: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG:
	Năm sản xuất: năm 2026 trở về sau, mới 100%
	Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE hoặc ISO 13485 và FDA hoặc tương đương
	Nguồn điện cung cấp: 220V; 50Hz
	Môi trường hoạt động:
	Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
	Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$
	Xuất xứ máy chính: Thuộc nhóm nước G7
II	CẤU HÌNH:
	Máy lọc HDF online kèm thiết bị phụ trợ và phụ kiện tiêu chuẩn, trong đó đã bao gồm:
1	Máy chính: 01 cái
2	Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 bộ
3	Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 bộ
4	Cây treo dịch truyền: 01 cái
5	Giá đỡ quả lọc/ màng lọc thận: 01 cái
6	Que hút hóa chất tẩy trùng: 01 cái
7	Thiết bị đo huyết áp bệnh nhân: 01 cái
8	Màng lọc dịch ≥ 01 quả
III	TIÊU CHÍ KỸ THUẬT:
1	Máy chính:
	Tính năng chung
	Thông số chung
	Nước đầu vào:
	Áp lực đầu vào: $\leq 1.5 - \geq 6$ Bar
	Nhiệt độ: $\leq 10 - \geq 30$ °C
	Màn hình hiển thị
	Màn hình ≥ 15 inch có thể xoay được
	Bơm máu động mạch/ bơm máu:
	Lưu lượng máu: $\leq 50 - \geq 600$ ml/phút
	Độ chính xác/dung sai : $\leq 10\%$
	Áp lực động mạch:
	Dãy hiển thị: từ ≤ -300 mmHg - $\geq +300$ mmHg
	Dung sai/ Độ chính xác: ≤ 10 mmHg
	Áp lực tĩnh mạch:

	Dây hiển thị: $\leq +20$ mmHg - $\geq +400$ mmHg
	Biên độ dao động/ Độ chính xác: ≤ 10 mmHg
	Bơm Heparin:
	Tốc độ truyền: ≤ 1 - ≥ 10 ml/giờ
	Bolus: ≤ 1 - ≥ 10 mL
	Loại bơm tiêm sử dụng tối thiểu: 20/ 30 ml.
	Hệ thống dịch lọc
	Nhiệt độ dịch lọc: $\leq 34^{\circ}\text{C}$ - $\geq 39^{\circ}\text{C}$
	Máy sử dụng được cả 2 loại dịch: Acetate hoặc Bicarbonate
	Màng lọc dịch
	Tốc độ dịch bù: ≤ 25 - ≥ 400 ml/ phút
	Siêu lọc:
	Tốc độ siêu lọc: 0 - ≥ 4.00 l/h
	Độ chính xác: ≤ 1 %.
	Các chương trình rửa máy
	Chương trình rửa ở nhiệt độ $\geq 85^{\circ}\text{C}$
	Có chương trình rửa bằng hóa chất
	Có khử khuẩn vừa hoá chất vừa nhiệt độ
2	Phụ kiện:
	2.1 Bộ dây nối với hệ thống nước RO
	2.2 Bộ dây nối với hệ thống nước thải
	2.3 Cây treo dịch truyền
	2.4 Giá đỡ quả lọc/ màng lọc thận
	2.5 Thiết bị đo huyết áp bệnh nhân
	2.6 Màng lọc dịch
IV	YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≥ 02 lần/ năm.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt), Tài liệu bảo trì (Việt). Có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ khi giao hàng
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao máy.
22.	ỐNG NỘI SOI: 01 Cái
I	YÊU CẦU CHUNG
	Thiết bị mới 100%, Sản xuất từ năm 2026 trở về sau.
	Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: ≥ 30 độ C + Độ ẩm: $\geq 70\%$
II	CẤU HÌNH CUNG CẤP
	Ống soi cứng niệu quản quang học: 01 bộ
III	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT

	Góc quan sát: $\geq 0^\circ$
	Khoảng cách làm việc quang học được thiết kế: $\geq 10 \text{ mm}$
	Đường kính ngoài : $\geq 6/7.5Fr$
	Đường kính kênh làm việc: $\geq 3 Fr$
	- Kênh dụng cụ: 2 kênh gắn kết không thể tháo rời đảm bảo an toàn trong quá trình khử khuẩn
	- Chiều dài làm việc: 430mm $\pm 5\%$
IV	IV. YÊU CẦU KHÁC
	Giao hàng tại nơi sử dụng: Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
	Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
	Là nhà phân phối chính thức sản phẩm của nhà sản xuất hoặc được ủy quyền hợp pháp.
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh + Việt).
	Cam kết cung cấp TKHQ, chứng chỉ chất lượng CQ và chứng chỉ xuất xứ CO khi bàn giao.

7/

CHỈ

PHỤ LỤC 3 : MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số : 957 /TB-BVAB ngày 25 / 9 /2026)



BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện An Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ Mua sắm thiết bị y tế năm 2026 như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ Mua sắm thiết bị y tế năm 2026.

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.